

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 3 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngu.

Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thủy Ng, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Lâm Minh S, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị Ng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; anh S vắng mặt)

NỘI SƠNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thủy Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh S tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2014 ngày 14-3-2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Chị Ng nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh S không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Thời gian chung sống, Chị Ng và anh S có con chung tên Lâm Minh Th, sinh ngày 16-3-2015. Con chung hiện đang sống cùng với anh S. Sau khi ly hôn, Chị Ng yêu cầu giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi và Chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Lâm Minh S:

Anh S đã được cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của Chị Ng.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt các phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Ng, cụ thể: Chị Ng được ly hôn với anh S; giao con chung tên Lâm Minh Th, sinh ngày 16-3-2015 cho anh S nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Ng đồng ý cấp dưỡng nuôi con, anh S cũng không có ý kiến yêu cầu Chị Ng phải cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết. Chị Ng trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thủy Ng khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Lâm Minh S. Anh S cư trú tại Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Ng, anh S vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị Ng và anh S đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, Chị Ng có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt không có lý

do. Căn cứ vào điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng, anh S tự nguyện tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45/2014 ngày 14-3-2014. Tại thời điểm kết hôn, Chị Ng, anh S đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị Ng, anh S được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của Chị Ng, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn Chị Ng, anh S chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập Chị Ng, anh S tham gia phiên hòa giải nhưng anh S vắng mặt nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị Ng, anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 171/2015, quyển số: 01/2015 ngày 04-6-2015 của Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thì Chị Ng, anh S có con chung tên Lâm Minh Th (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-3-2015. Sau khi ly hôn, Chị Ng đồng ý giao con chung cho anh S nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh S không có ý kiến phản đối yêu cầu này của Chị Ng. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện đang sống cùng với anh S, cuộc sống, việc học tập đã ổn định và Chị Ng đồng ý giao con chung cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của con chung không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, giao con chung cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định viện dẫn, Chị Ng là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với anh S. Đồng thời, Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định viện dẫn, Chị Ng là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, Chị Ng

không tự nguyện cấp dưỡng cho con, anh S không có ý kiến yêu cầu Chị Ng phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, còn anh S không có ý kiến phản đối yêu cầu này của Chị Ng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Như đã nhận định, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị Ng là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thủy Ng được ly hôn với anh Lâm Minh S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Minh Th (giới tính: Nữ), sinh ngày 16-3-2015 cho anh Lâm Minh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Trần Thủy Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Thủy Ng không tự nguyện cấp dưỡng cho con, anh Lâm Minh S không có ý kiến yêu cầu chị Trần Thủy Ng phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thủy Ng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh Lâm Minh S không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị Trần Thủy Ng nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thủy Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: 0005717 ngày 04-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Trần Thủy Ng đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Phú Tân, huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt